

**DANH SÁCH DỰ THI CC ƯD CNTT CƠ BẢN KHÓA 56***Ngày thi: 17/8/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

| STT | SBD     | MSSV        | Họ               | Tên   | N. Sinh    | Nơi sinh   | Phòng        |
|-----|---------|-------------|------------------|-------|------------|------------|--------------|
| 1   | CB56042 | KTNL2311039 | Đặng Khánh       | An    | 11/10/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 2   | CB56043 | CNCD2411004 | Nguyễn Phúc      | An    | 27/03/2005 | Đồng Tháp  | Phòng Máy 01 |
| 3   | CB56044 | CNXD2311028 | Phạm Duy         | An    | 25/06/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 4   | CB56045 |             | Hoàng Ngọc Lan   | Anh   | 09/08/2008 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 5   | CB56046 | LUAT2211035 | Lê Nguyễn Lan    | Anh   | 23/03/2004 | Vĩnh Long  | Phòng Máy 01 |
| 6   | CB56047 | 2100465     | Nguyễn Hoàng     | Anh   | 08/11/2003 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 01 |
| 7   | CB56048 | LUAT2311008 | Tô Hoàng Hồng    | Anh   | 01/04/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 01 |
| 8   | CB56049 |             | Trần Thị Ngọc    | Ánh   | 20/09/1999 | An Giang   | Phòng Máy 01 |
| 9   | CB56050 | LUAT2311006 | Bùi Quốc         | Bảo   | 14/04/2005 | Kiên Giang | Phòng Máy 01 |
| 10  | CB56051 | CNXD2311058 | Đào Trí          | Cường | 06/04/2005 | Cà Mau     | Phòng Máy 01 |
| 11  | CB56052 | TCNH2311011 | Trương Thành     | Danh  | 20/04/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 12  | CB56053 | 2100511     | Nguyễn Hùng      | Dũng  | 26/06/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 13  | CB56054 | QLXD2211040 | Nguyễn Bá        | Duy   | 30/04/2004 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 01 |
| 14  | CB56055 | 1700300     | Nguyễn Khánh     | Duy   | 08/07/1999 | Trà Vinh   | Phòng Máy 01 |
| 15  | CB56056 |             | Nguyễn Khánh     | Duy   | 07/10/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 16  | CB56057 | TCNH2211005 | Lê Thị Thùy      | Dương | 23/08/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 01 |
| 17  | CB56058 | LQCC2211045 | Trương Thị Thùy  | Dương | 04/04/2004 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 01 |
| 18  | CB56059 | CNTP2311012 | Nguyễn Thị Huỳnh | Giao  | 15/03/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 01 |
| 19  | CB56060 | CNXD2311030 | Lê Vũ            | Hà    | 01/04/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 01 |
| 20  | CB56061 |             | Phan Thị Hồng    | Hạnh  | 04/11/2004 | An Giang   | Phòng Máy 01 |
| 21  | CB56062 |             | Trần Ngọc        | Hân   | 27/04/2002 | Cần Thơ    | Phòng Máy 02 |
| 22  | CB56063 | 2101160     | Nguyễn Văn Chí   | Hậu   | 28/07/2003 | Hậu Giang  | Phòng Máy 02 |
| 23  | CB56064 | KTNL2311032 | Nguyễn Quốc      | Hiền  | 22/04/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 02 |

**DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 56***Ngày thi: 17/8/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

| STT | SBD     | MSSV        | Họ               | Tên   | N. Sinh    | Nơi sinh   | Phòng        |
|-----|---------|-------------|------------------|-------|------------|------------|--------------|
| 24  | CB56065 | QLXD2311038 | Bùi Nguyễn Trung | Hiếu  | 02/10/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 02 |
| 25  | CB56066 | CNDD2311033 | La Chí           | Hoài  | 06/02/2005 | Kiên Giang | Phòng Máy 02 |
| 26  | CB56067 | CNCD2311042 | Lê Minh          | Huy   | 14/12/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 02 |
| 27  | CB56068 | LUAT2311043 | Danh Thị         | Huyền | 02/10/2005 | Kiên Giang | Phòng Máy 02 |
| 28  | CB56069 | 2101370     | Đặng Hoàng       | Huỳnh | 09/08/2001 | Bạc Liêu   | Phòng Máy 02 |
| 29  | CB56070 | LUAT2311028 | Lê Mạnh          | Huỳnh | 19/01/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 02 |
| 30  | CB56071 | KTNL2311036 | Nguyễn Vũ        | Hung  | 03/10/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 02 |
| 31  | CB56072 | KETO2311067 | Bùi Trí          | Hung  | 22/07/2005 | Hậu Giang  | Phòng Máy 02 |
| 32  | CB56073 |             | Lê Hoàng Xuân    | Hương | 21/04/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 02 |
| 33  | CB56074 | LUAT2311005 | Huỳnh Thị Diễm   | Kiều  | 11/11/2005 | Hậu Giang  | Phòng Máy 02 |
| 34  | CB56075 | QLXD2311040 | Huỳnh Thị Mộng   | Kha   | 12/10/2005 | Hậu Giang  | Phòng Máy 02 |
| 35  | CB56076 |             | Nguyễn Hoàng Yến | Khoa  | 19/02/2004 | Vĩnh Long  | Phòng Máy 02 |
| 36  | CB56077 | CNXD2311042 | Nguyễn Việt      | Khoa  | 07/09/2005 | Hậu Giang  | Phòng Máy 02 |
| 37  | CB56078 | QLXD2211019 | Phan Nguyễn Hồng | Khoa  | 30/11/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 02 |
| 38  | CB56079 | CNXD2311045 | Lâm Hoàng        | Khôi  | 12/06/2005 | Cà Mau     | Phòng Máy 02 |
| 39  | CB56080 |             | Huỳnh Ngọc       | Lam   | 18/03/2002 | Hậu Giang  | Phòng Máy 02 |
| 40  | CB56081 | TCNH2311042 | Huỳnh Trường     | Lâm   | 27/04/2005 | Kiên Giang | Phòng Máy 02 |
| 41  | CB56082 | QLXD2311002 | Trần Khánh       | Linh  | 07/11/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 42  | CB56083 | QLXD2311035 | Nguyễn Phúc      | Lộc   | 02/04/2005 | Hậu Giang  | Phòng Máy 03 |
| 43  | CB56084 | QLXD2311031 | Trương Văn       | Lộc   | 09/11/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 03 |
| 44  | CB56085 | CNCD2311030 | Đoàn Phước       | Lộc   | 08/01/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 45  | CB56086 | CNDT2311032 | Khúc Thành       | Lợi   | 19/12/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 46  | CB56087 | NGNA2311053 | Võ Thị Cẩm       | Lụa   | 16/03/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |

**DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 56***Ngày thi: 17/8/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

| STT | SBD     | MSSV        | Họ              | Tên    | N. Sinh    | Nơi sinh   | Phòng        |
|-----|---------|-------------|-----------------|--------|------------|------------|--------------|
| 47  | CB56088 | QLXD2311023 | Võ Phạm Kiều    | My     | 31/05/2005 | Vĩnh Long  | Phòng Máy 03 |
| 48  | CB56089 | 2100935     | Lê Tuyết        | Ngân   | 21/11/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 49  | CB56090 | CNDT2311003 | Lê Thị Kim      | Ngân   | 09/07/2005 | An Giang   | Phòng Máy 03 |
| 50  | CB56091 | CNDT2311042 | Bùi Hồng        | Nghị   | 16/08/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 03 |
| 51  | CB56092 | CNDT2311040 | Bùi Trọng       | Nghĩa  | 15/08/2005 | Cà Mau     | Phòng Máy 03 |
| 52  | CB56093 | 2101290     | Lê Văn Viết     | Nghĩa  | 05/07/2003 | Bạc Liêu   | Phòng Máy 03 |
| 53  | CB56094 | 2100102     | Võ Hoàng        | Nghĩa  | 14/05/2001 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 03 |
| 54  | CB56095 | QLCN2311054 | Huỳnh Lê Thanh  | Ngọc   | 28/03/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 55  | CB56096 | 1900591     | Nguyễn Như      | Ngọc   | 17/02/2001 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 56  | CB56097 |             | Nguyễn Trần Bảo | Ngọc   | 25/09/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 57  | CB56098 | LUAT2311058 | Phạm Thị Thúy   | Ngọc   | 09/01/2005 | Bình Thuận | Phòng Máy 03 |
| 58  | CB56099 | 2101349     | Trần Hoàn Bội   | Ngọc   | 07/11/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 59  | CB56100 | QTKD2311057 | Lê Bảo          | Ngọc   | 19/12/2005 | Vĩnh Long  | Phòng Máy 03 |
| 60  | CB56101 | 2100540     | Đào Khánh       | Nguyên | 18/01/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 03 |
| 61  | CB56102 | 1700408     | Lê Đỗ Khôi      | Nguyên | 16/11/1999 | Cần Thơ    | Phòng Máy 04 |
| 62  | CB56103 | TCNH2311022 | Ngô Huỳnh Đình  | Nguyên | 24/06/2005 | Vĩnh Long  | Phòng Máy 04 |
| 63  | CB56104 | LQCC2211003 | Nguyễn Khôi     | Nguyên | 06/01/2004 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 04 |
| 64  | CB56105 | QLXD2211047 | Huỳnh Hữu       | Nhân   | 01/01/2004 | Hậu Giang  | Phòng Máy 04 |
| 65  | CB56106 | NGNA2311009 | Trịnh Hoàng     | Nhật   | 03/10/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 04 |
| 66  | CB56107 | CNHH2311005 | Huỳnh Ngọc      | Nhi    | 14/04/2005 | Bạc Liêu   | Phòng Máy 04 |
| 67  | CB56108 | LUAT2211012 | Lâm Hồng        | Nhi    | 02/12/2004 | Hậu Giang  | Phòng Máy 04 |
| 68  | CB56109 | LUAT2211013 | Trần Ngọc       | Nhi    | 17/10/2004 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 04 |
| 69  | CB56110 |             | Cao Đảm         | Nhiệm  | 17/09/2001 | Cà Mau     | Phòng Máy 04 |

**DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 56***Ngày thi: 17/8/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

| STT | SBD     | MSSV        | Họ                | Tên    | N. Sinh    | Nơi sinh       | Phòng        |
|-----|---------|-------------|-------------------|--------|------------|----------------|--------------|
| 70  | CB56111 | KETO2211070 | Mai Thị           | Nhiên  | 16/08/2004 | Cần Thơ        | Phòng Máy 04 |
| 71  | CB56112 | LQCC2211039 | Trần Thị Ngọc     | Như    | 23/05/2004 | Sóc Trăng      | Phòng Máy 04 |
| 72  | CB56113 | TCNH2211063 | Trịnh Thảo        | Như    | 25/05/2004 | Cà Mau         | Phòng Máy 04 |
| 73  | CB56114 | QLXD2211010 | Chung Tấn         | Phát   | 30/10/2004 | Cà Mau         | Phòng Máy 04 |
| 74  | CB56115 | KTNL2311015 | Trần Thái         | Phong  | 14/06/2005 | Đồng Tháp      | Phòng Máy 04 |
| 75  | CB56116 | 2101321     | Lê Văn Sông       | Phới   | 13/02/2003 | Cần Thơ        | Phòng Máy 04 |
| 76  | CB56117 |             | Trần Gia          | Phú    | 01/11/2009 | Cần Thơ        | Phòng Máy 04 |
| 77  | CB56118 | QTKD2211014 | Đặng Thị Tiểu     | Phụng  | 23/06/2004 | Bạc Liêu       | Phòng Máy 04 |
| 78  | CB56119 | LUAT2211034 | Nguyễn Lê Hồng    | Phương | 18/12/2004 | TP.Hồ Chí Minh | Phòng Máy 04 |
| 79  | CB56120 | QLXD2311024 | Nguyễn Ngọc Duy   | Quang  | 29/10/2005 | Hậu Giang      | Phòng Máy 04 |
| 80  | CB56121 | KTNL2311028 | Trương Bảo        | Quân   | 18/10/2005 | Cần Thơ        | Phòng Máy 04 |
| 81  | CB56122 |             | Lý Như            | Quyên  | 04/08/2004 | Vĩnh Long      | Phòng Máy 05 |
| 82  | CB56123 | 2101614     | Trần Ngọc Như     | Quỳnh  | 29/12/2003 | TP.Hồ Chí Minh | Phòng Máy 05 |
| 83  | CB56124 | CNDT2311033 | Nguyễn Huỳnh Thái | Sang   | 26/10/2005 | Cần Thơ        | Phòng Máy 05 |
| 84  | CB56125 | 1900611     | Nguyễn Quốc       | Sĩ     | 08/07/2001 | Cần Thơ        | Phòng Máy 05 |
| 85  | CB56126 | LUAT2311022 | Trần Văn Quốc     | Son    | 13/08/2005 | Cần Thơ        | Phòng Máy 05 |
| 86  | CB56127 | CNXD2311036 | Nguyễn Hoàng      | Tâm    | 10/08/2005 | Sóc Trăng      | Phòng Máy 05 |
| 87  | CB56128 |             | Trần Minh         | Tâm    | 12/01/1970 | Hậu Giang      | Phòng Máy 05 |
| 88  | CB56129 |             | Bùi Cẩm           | Tiên   | 08/09/2005 | Cần Thơ        | Phòng Máy 05 |
| 89  | CB56130 | KTNL2311033 | Tăng Võ Hoàng     | Toàn   | 18/11/2005 | Cần Thơ        | Phòng Máy 05 |
| 90  | CB56131 | TCNH2311063 | Nguyễn Hùng       | Thái   | 27/12/2005 | An Giang       | Phòng Máy 05 |
| 91  | CB56132 | QLXD2311060 | Trịnh Quốc        | Thái   | 13/12/2005 | Kiên Giang     | Phòng Máy 05 |
| 92  | CB56133 | CNDT2311049 | Võ Quốc           | Thái   | 28/02/2005 | Cà Mau         | Phòng Máy 05 |

**DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 56***Ngày thi: 17/8/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

| STT | SBD     | MSSV        | Họ                | Tên    | N. Sinh    | Nơi sinh   | Phòng        |
|-----|---------|-------------|-------------------|--------|------------|------------|--------------|
| 93  | CB56134 | 1800273     | Lâm Mỹ            | Thanh  | 18/10/2000 | Cần Thơ    | Phòng Máy 05 |
| 94  | CB56135 | QLCN231139  | Nguyễn Thị Thanh  | Thảo   | 19/12/2005 | An Giang   | Phòng Máy 05 |
| 95  | CB56136 | 2101635     | Mai Bảo           | Thi    | 22/10/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 05 |
| 96  | CB56137 | CNSH2311027 | Ký                | Thiện  | 30/05/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 05 |
| 97  | CB56138 | TCNH2311018 | Trương Gia        | Thịnh  | 04/01/2005 | Kiên Giang | Phòng Máy 05 |
| 98  | CB56139 | 2101038     | Bùi Gia           | Thuận  | 07/12/2003 | Vĩnh Long  | Phòng Máy 05 |
| 99  | CB56140 |             | Hà Anh            | Thư    | 10/05/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 05 |
| 100 | CB56141 | 2101308     | Nguyễn Minh       | Thư    | 04/10/2003 | Cần Thơ    | Phòng Máy 05 |
| 101 | CB56142 |             | Giang Ngọc        | Thy    | 21/05/1987 | Hậu Giang  | Phòng Máy 06 |
| 102 | CB56143 | KETO2311073 | Nguyễn Diễm       | Trang  | 25/06/2005 | Cà Mau     | Phòng Máy 06 |
| 103 | CB56144 | 2100757     | Kiều Bảo ngọc     | Trâm   | 20/11/2003 | Cà Mau     | Phòng Máy 06 |
| 104 | CB56145 | CNHH2311026 | Nguyễn Thị Huỳnh  | Trâm   | 13/11/2005 | Trà Vinh   | Phòng Máy 06 |
| 105 | CB56146 |             | Nguyễn Phạm Khánh | Trân   | 22/09/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 06 |
| 106 | CB56147 |             | Nguyễn Thị Ngọc   | Trân   | 02/10/2005 | Hậu Giang  | Phòng Máy 06 |
| 107 | CB56148 | LUAT2311015 | Phạm Đỗ Ngọc      | Trân   | 24/07/2005 | Bạc Liêu   | Phòng Máy 06 |
| 108 | CB56149 | QLXD2311042 | Nguyễn Minh       | Trí    | 29/10/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 06 |
| 109 | CB56150 | LUAT2211056 | Nguyễn Minh       | Trí    | 13/01/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 06 |
| 110 | CB56151 | CNXD2311018 | Trần Minh         | Trọng  | 22/09/2005 | Sóc Trăng  | Phòng Máy 06 |
| 111 | CB56152 | CNXD2311049 | Nguyễn Quang      | Trường | 20/07/2005 | Bạc Liêu   | Phòng Máy 06 |
| 112 | CB56153 | LUAT2211043 | Nguyễn Thị Anh    | Vân    | 15/05/2004 | Cần Thơ    | Phòng Máy 06 |
| 113 | CB56154 | KTNL2311016 | Đình Phú          | Vinh   | 22/12/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 06 |
| 114 | CB56155 | LUAT2211057 | Nguyễn Thị Thúy   | Vy     | 19/03/2004 | Kiên Giang | Phòng Máy 06 |
| 115 | CB56156 | TCNH2311025 | Thượng Gia Triệu  | Vy     | 01/06/2005 | Cần Thơ    | Phòng Máy 06 |

**DANH SÁCH DỰ THI CC UD CNTT CƠ BẢN KHÓA 56**

*Ngày thi: 17/8/2025 Buổi sáng lúc 07h00'*

| <b>STT</b> | <b>SBD</b>     | <b>MSSV</b> | <b>Họ</b>        | <b>Tên</b> | <b>N. Sinh</b> | <b>Nơi sinh</b> | <b>Phòng</b> |
|------------|----------------|-------------|------------------|------------|----------------|-----------------|--------------|
| <b>116</b> | <b>CB56157</b> | CNXD2311050 | Vũ Hạ            | Vy         | 04/02/2005     | Sóc Trăng       | Phòng Máy 06 |
| <b>117</b> | <b>CB56158</b> | 2100611     | Võ Phú           | Yên        | 18/08/2003     | Sóc Trăng       | Phòng Máy 06 |
| <b>118</b> | <b>CB56159</b> | 2100780     | Huỳnh Thụy Hoàng | Yến        | 14/02/2003     | TP.Hồ Chí Minh  | Phòng Máy 06 |